ÔN TẬP CHƯƠNG III

I. LÝ THUYẾT:

Câu 1: Thế nào là hai phương trình tương đương?

Câu 2: Nhân hai vế của phương trình với cùng một biểu thức ...

Câu 3: Với điều kiện nào của a thì phương trình …

Câu 4: Một phương trình bậc nhất ax + b = 0 có bao nhiêu nghiệm?

Câu 5: Khi giải phương trình chứa ẩn ở mẫu, ta phải lưu ý điều gì?

Câu 6: Hãy nêu các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình.

II. BÀI TẬP:

Bài 50: Giải các phương trình sau:

c/ 



d/ 



Bài 51: Giải các phương trình sau bằng cách đưa về dạng phương trình tích:

a/ (2x +1)(3x – 2) = (5x – 8)(2x + 1)

(2x + 1)(- 2x + 6) = 0



Vậy phương trình có tập nghiệm là 

b/ 4x2 – 1 = (2x + 1)(3x – 5)

 4x2 – 1 – (2x + 1)(3x – 5) = 0

 (2x – 1)(2x + 1) – (2x + 1)(3x – 5) = 0

 (2x + 1)[2x – 1 – (3x – 5)] = 0

 (2x – 1)(2x – 1 – 3x + 5) = 0

 (2x – 1)(4 – x) = 0

 

Vậy phương trình có tập nghiệm là 

c/ (x + 1)2 = 4(x2 – 2x + 1)

 (x + 1)2 – [2(x – 1)]2 = 0

Vậy phương trình có tập nghiệm là 

Bài 52:

Giải các phương trình sau:

a/ 

\* ĐKXĐ: 

\* (\*)  

 x – 3 = 10x – 15

 – 9x = – 15 + 3

 x =  (thoả).

Vậy phương trình có tập nghiệm là **